

Số: 16 /2018/QĐ-UBND

Hậu Giang, ngày 28 tháng 9 năm 2018

QUYẾT ĐỊNH

Quy định tiêu chuẩn, định mức sử dụng máy móc, thiết bị chuyên dùng tại cơ quan, tổ chức, đơn vị thuộc phạm vi quản lý của địa phương trên địa bàn tỉnh Hậu Giang

ỦY BAN NHÂN DÂN TỈNH HẬU GIANG

*Căn cứ Luật Tổ chức chính quyền địa phương ngày 19 tháng 6 năm 2015;
Căn cứ Luật Ban hành văn bản quy phạm pháp luật ngày 22 tháng 6 năm 2015;
Căn cứ Luật Quản lý sử dụng tài sản công ngày 21 tháng 6 năm 2017;
Căn cứ Nghị định số 151/2017/NĐ-CP ngày 26 tháng 12 năm 2017 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều của Luật Quản lý sử dụng tài sản công;
Căn cứ Quyết định số 50/2017/QĐ-TTg ngày 31 tháng 12 năm 2017 của Thủ tướng Chính phủ quy định tiêu chuẩn, định mức sử dụng máy móc, thiết bị;
Theo đề nghị của Giám đốc Sở Tài chính.*

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Phạm vi điều chỉnh, đối tượng áp dụng

1. Phạm vi điều chỉnh
 - a) Quyết định này quy định về tiêu chuẩn, định mức sử dụng máy móc, thiết bị chuyên dùng (chủng loại, số lượng) tại cơ quan, tổ chức, đơn vị thuộc phạm vi quản lý trên địa bàn tỉnh Hậu Giang.
 - b) Đối với tiêu chuẩn, định mức sử dụng máy móc, thiết bị chuyên dùng lĩnh vực y tế và lĩnh vực giáo dục và đào tạo không thuộc phạm vi điều chỉnh của Quyết định này.

2. Đối tượng áp dụng

Cơ quan nhà nước, tổ chức chính trị - xã hội được ngân sách nhà nước đảm bảo kinh phí hoạt động, đơn vị sự nghiệp công lập, ban quản lý dự án sử dụng vốn nhà nước (sau đây gọi là cơ quan, tổ chức, đơn vị).

Điều 2. Nguyên tắc áp dụng tiêu chuẩn, định mức sử dụng máy móc, thiết bị chuyên dùng

1. Việc ban hành tiêu chuẩn, định mức máy móc, thiết bị chuyên dùng áp dụng đối với máy móc, thiết bị đủ tiêu chuẩn tài sản cố định theo quy định của chế độ quản lý, tính hao mòn tài sản cố định tại cơ quan, tổ chức, đơn vị.

Máy móc, thiết bị chuyên dùng không đủ điều kiện tiêu chuẩn tài sản cố định, cơ quan, người có thẩm quyền quyết định giao, đầu tư, mua sắm, điều chuyển, thuê theo quy định của pháp luật quyết định việc trang bị phù hợp với chức năng, nhiệm vụ, tính chất công việc, nhu cầu sử dụng và khả năng nguồn kinh phí được phép sử dụng, bảo đảm tiết kiệm, hiệu quả.

2. Tiêu chuẩn, định mức sử dụng máy móc, thiết bị chuyên dùng quy định tại Quyết định này được sử dụng làm căn cứ để lập kế hoạch và dự toán ngân sách; giao, đầu tư, mua sắm, thuê, khoán kinh phí sử dụng máy móc, thiết bị chuyên dùng.

3. Đảm bảo tiết kiệm, hiệu quả, phù hợp với tính chất công việc, phù hợp với khả năng của ngân sách nhà nước và chịu trách nhiệm trước pháp luật về quyết định của mình.

Điều 3. Tiêu chuẩn, định mức sử dụng máy móc, thiết bị chuyên dùng của cơ quan, tổ chức, đơn vị

1. Tiêu chuẩn, định mức sử dụng máy móc, thiết bị chuyên dùng tại cơ quan, tổ chức, đơn vị được quy định theo từng lĩnh vực quản lý tại địa phương, bao gồm:

a) Máy móc, thiết bị chuyên dùng lĩnh vực Nông nghiệp và Phát triển nông thôn tỉnh (Phụ lục I).

b) Máy móc, thiết bị chuyên dùng lĩnh vực Xây dựng (Phụ lục II).

c) Máy móc, thiết bị chuyên dùng lĩnh vực Tài nguyên và Môi trường (Phụ lục III).

d) Máy móc, thiết bị chuyên dùng lĩnh vực Văn hóa, Thể thao và Du lịch (Phụ lục IV).

đ) Máy móc, thiết bị chuyên dùng lĩnh vực Khoa học và Công nghệ (Phụ lục V).

e) Máy móc, thiết bị chuyên dùng lĩnh vực Giao thông vận tải (Phụ lục VI).

g) Máy móc, thiết bị chuyên dùng lĩnh vực Đài phát thanh và Truyền hình (Phụ lục VII).

h) Máy móc, thiết bị chuyên dùng thuộc lĩnh vực khác (Phụ lục VIII)

i) Máy móc, thiết bị chuyên dùng thuộc các huyện, thị xã, thành (Phụ lục IX).

2. Trường hợp cần thiết phải trang bị thêm máy móc, thiết bị chuyên dùng để đáp ứng yêu cầu nhiệm vụ vượt số lượng so với quy định này thì Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh quyết định trang bị bổ sung đảm bảo đáp ứng nhu cầu thực tế phục vụ chuyên môn.

Điều 4. Thẩm quyền quyết định mua sắm máy, móc thiết bị chuyên dùng
Thẩm quyền quyết định mua sắm máy móc, thiết bị chuyên dùng được thực hiện theo quy định về phân cấp quản lý tài sản công hiện hành.

Điều 5. Trách nhiệm của Sở Tài chính

1. Giao Sở Tài chính hướng dẫn, kiểm tra, giám sát việc triển khai mua sắm máy móc thiết bị chuyên dùng tại các cơ quan, tổ chức, đơn vị trên địa bàn tỉnh theo đúng tiêu chuẩn, định mức quy định.

2. Chủ trì, phối hợp với các cơ quan liên quan tham mưu Ủy ban nhân dân tỉnh xem xét điều chỉnh, bổ sung tiêu chuẩn, định mức sử dụng máy móc, thiết bị chuyên dùng của các cơ quan, tổ chức, đơn vị trên địa bàn tỉnh khi có phát sinh.

Điều 6. Trách nhiệm của các cơ quan, tổ chức, đơn vị

1. Thủ trưởng các cơ quan, tổ chức, đơn vị chịu trách nhiệm đối với việc mua sắm, trang bị và quản lý, sử dụng máy móc, thiết bị chuyên dùng của cơ quan, tổ chức, đơn vị thuộc phạm vi quản lý theo quy định của Luật Quản lý, sử dụng tài sản công, Luật Thực hành tiết kiệm, chống lãng phí và các quy định của pháp luật khác có liên quan.

2. Trường hợp có thay đổi về nhu cầu sử dụng máy móc, thiết bị chuyên dùng cần phải điều chỉnh thì Thủ trưởng các cơ quan, tổ chức, đơn vị báo cáo cấp có thẩm quyền quyết định điều chỉnh cho phù hợp.

Điều 7. Quyết định này có hiệu lực kể từ ngày 08 tháng 10 năm 2018.

Điều 8. Chánh Văn phòng Ủy ban nhân dân tỉnh; Giám đốc Sở; Thủ trưởng cơ quan ban, ngành tỉnh, Chủ tịch Ủy ban nhân dân huyện, thị xã, thành phố và các cơ quan, đơn vị có liên quan chịu trách nhiệm thi hành Quyết định này./. *nd*

Nơi nhận: *Th*

- VP. Chính phủ (HN, TP. HCM);
- Bộ Tài chính;
- Bộ Tư pháp (Cục Kiểm tra VBQPPL);
- TT: TU, HĐND, UBND tỉnh;
- UBMTTQVN và các đoàn thể tỉnh;
- VP: Đoàn ĐBQH, HĐND tỉnh;
- Như Điều 8;
- Cơ quan Báo, Đài tỉnh;
- Công báo tỉnh;
- Công Thông tin điện tử tỉnh;
- Lưu: VT, KT.

TM. ỦY BAN NHÂN DÂN
KT. CHỦ TỊCH
PHÓ CHỦ TỊCH



Trương Cảnh Tuyên

Phụ lục I
MÁY MÓC, THIẾT BỊ CHUYÊN DỤNG
LĨNH VỰC NÔNG NGHIỆP VÀ PHÁT TRIỂN NÔNG THÔN

(Ban hành kèm theo Quyết định số 16/2018/QĐ-UBND ngày 28/9/2018
của Ủy ban nhân dân tỉnh Hậu Giang)

STT	Chủng loại	ĐVT	Số lượng đối đa
I	Chi cục Thủy lợi - Ban Chỉ huy Phòng chống lụt bão tìm kiếm cứu nạn		
1	Xuồng cứu nạn vỏ hợp kim nhôm ST 1200	Cái	3
2	Máy bơm chữa cháy rừng đồng bộ	Cái	2
3	Nhà bạt 16,5 m ²	Cái	20
4	Nhà bạt 24,75 m ²	Cái	15
5	Nhà bạt 60 m ²	Cái	20
6	Máy đo mặn, pH, đo lưu lượng nước	Cái	2
7	Máy phát điện	Cái	1
II	Chi cục Trồng trọt và Bảo vệ thực vật		
1	Kính hiển vi soi nổi	Cái	10
2	Kính hiển vi KTS	Bộ	1
3	Cân kỹ thuật 02 số lẻ	Cái	2
4	Máy đọc Elisa (bao gồm các dụng cụ cần thiết để công phá mẫu vật)	Bộ	1
5	Tủ lưu bảo quản mẫu	Cái	1
6	Thiết bị đo mật độ diệp lục	Cái	1
7	Bàn thí nghiệm áp tường có kệ	Cái	4
8	Tủ đựng hoá chất phòng thí nghiệm	Cái	1
9	Tủ đựng dụng cụ phòng thí nghiệm	Cái	1
10	Cân điện tử 1 số lẻ	Cái	1
11	Cân kỹ thuật 2 số lẻ	Cái	1
12	Cân phân tích 4 số lẻ	Cái	2
13	Tủ hút khí độc	Cái	1

14	Cân sấy ẩm (máy phân tích độ ẩm)	Cái	1
15	Lò nung	Cái	1
16	Bể điều nhiệt	Cái	1
17	Máy cô quay chân không - hiện số	Cái	1
18	Bể rửa siêu âm	Cái	1
19	Máy khuấy từ gia nhiệt	Cái	1
20	Máy lắc vòng	Cái	1
21	Máy đo pH cầm tay- để bàn	Cái	2
22	Tủ sấy đối lưu tự nhiên	Cái	2
23	Máy lọc nước siêu sạch sử dụng cho HPLC, IC, GC, GC/MS, TOC, ICP và ICP/MS)	Cái	1
24	Máy ly tâm 12 ống	Cái	1
25	Bộ hút chân không lọc	Cái	1
26	Thiết bị chung cất đạm (gồm: thiết bị phá mẫu KJELDAHL 24 chỗ, thiết bị chung cất đạm, máy hút và xử lý khí độc)	Bộ	1
27	Máy phá mẫu	Cái	1
28	Máy Quang phổ hấp thu nguyên tử AAS hệ ngọn lửa + lò Graphit	Cái	1
29	Kính hiển vi soi nổi 3 thị kính	Cái	1
30	Kính hiển vi sinh học 3 thị kính kết nối Camera - Máy tính	Cái	1
31	Máy ly tâm Spindown	Cái	1
32	Tủ âm	Cái	1
33	Micropipet 5 - 50 μ l, 10 - 100 μ l, 100 - 1.000 μ l, 1.000 - 10.000 μ l	Bộ	2
34	Tủ bảo quản mẫu	Cái	1
35	Máy đếm khuẩn lạc	Cái	1
36	Nồi hấp tiệt trùng có chức năng sấy khô	Cái	1
37	Tủ an toàn sinh học	Cái	1

38	Dụng cụ chia mẫu dạng hộp	Cái	1
39	Máy làm sạch hạt	Cái	1
40	Bàn thí nghiệm inox giữa phòng	Bộ	1
41	Máy thổi hạt	Cái	1
42	Bàn phân tích mẫu có đèn	Cái	1
43	Đèn soi hạt có kính lúp	Cái	1
44	Máy xát mẫu lúa	Cái	1
45	Máy sàn gạo	Cái	1
46	Máy chà trắng gạo	Cái	1
47	Máy nghiền mẫu (máy nghiền bột gạo khô)	Cái	1
48	Quang phổ tử ngoại khả kiến 2 chùm tia	Cái	1
49	Tủ sinh trưởng nuôi trồng cây	Cái	1
50	Tủ ẩm (phá ngủ hạt giống)	Cái	1
51	Tủ đựng mẫu lưu có khoảng 50 ngăn kéo	Cái	1
52	Bộ quả cân chuẩn	Bộ	1
53	Máy đếm hạt	Cái	1
III	Chi cục Quản lý Chất lượng Nông lâm sản và Thủy sản		
1	Tủ đông	Cái	2
2	Test kiểm tra nhanh	Cái	2
IV	Chi cục Chăn nuôi và Thú y		
1	Máy đếm tinh trùng tự động	Máy	2
2	Kho lạnh gồm 01 thùng lạnh có chiều rộng khoảng 3m, dài 4m, cao 2m; Bên trong có các kệ inox dùng	Máy	1

V	Chi cục Kiểm lâm		
1	Thiết bị thu ảnh vệ tinh, ảnh viễn thám, phương tiện bay siêu nhẹ giám sát trên không (Flycam)	Bộ	1
2	Thiết bị quan trắc	Bộ	1
3	Máy ảnh ghi hình lưu giữ chứng cứ	Cái	1
4	Phần mềm chuyên dùng (Phần mềm cảnh báo cháy rừng; Phần mềm chỉ huy PCCCR; phần mềm phân	Bộ	1
5	Võ lã và máy thủy	Cái	1
6	Máy cắt thực bì	Cái	3
7	Máy thổi gió	Cái	3
8	Máy bơm nước chữa cháy	Cái	3
9	GPS định vị cầm tay	Cái	3
VI	Chi cục Thủy sản		
1	Máy ảnh chuyên dùng	Máy	1
2	Máy quay phim	Máy	1
3	Máy đo chất lượng nước đa chỉ tiêu (đo pH/Cond, TDS, độ mặn /DO cầm tay (HQ 40D)	Máy	1
4	Máy định vị cầm tay GPS	Máy	1
5	Võ lã và máy thủy	Bộ	1
VII	Trung tâm nước sạch và Vệ sinh môi trường nông thôn		
1	Máy bơm chìm hỏa tiễn 3Hp 1 pha	Cái	5
2	Máy bơm chìm hỏa tiễn 7,5Hp 3 pha	Cái	5
3	Máy bơm chìm hỏa tiễn 10Hp 3 pha	Cái	5
4	Máy bơm chìm hỏa tiễn 12Hp 3 pha	Cái	5
5	Bơm định lượng	Cái	15
6	Bơm trục ngang 1Hp1 pha	Cái	15
7	Máy đo điện trở	Cái	1
8	Tờ điện (1 tấn)	Cái	1
9	Máy chủ	Bộ	1
10	Máy in kim	Cái	3

11	Máy đo đa chỉ tiêu (Đo Clo dư, độ đục, pH, sắt)	Cái	5
VIII	Trung tâm Giống nông nghiệp		
1	Máy đếm nhớ cầm tay	Máy	4
2	Cân cơ kỹ thuật	Cái	1
3	Cân kỹ thuật hiển thị số Satorius	Cái	1
4	Máy đo độ ẩm ngũ cốc	Máy	1
5	Máy bóc vỏ trấu PTN	Máy	1
6	Bàn phân tích mẫu có đèn	Cái	1
7	Đèn soi hạt có kính lúp	Cái	1
8	Tủ đựng mẫu chuẩn	Cái	1
9	Tủ âm phá mẫu	Cái	1
10	Máy hút ẩm	Máy	1
11	Máy đo độ ẩm/nhiệt độ hiển số cầm tay	Máy	1
12	Máy đo độ ẩm	Máy	1
13	Tủ cấy	Cái	1
14	Cân kỹ thuật	Cái	1
15	Nồi hấp khử trùng 50 lít	Cái	1
16	Tủ sấy 53 lít	Cái	1
17	Kính hiển vi sinh học 3 mắt	Cái	1
18	Máy đo độ ẩm/nhiệt độ	Máy	1
19	Tủ âm điện tử 53 lít	Cái	1
20	Tủ âm	Cái	1
21	Tủ sấy nhỏ	Cái	1
22	Tủ cấy vô trùng	Cái	1
23	Nồi hấp tiệt trùng	Cái	1
24	Tủ mát	Cái	1
25	Tủ lạnh chứa hóa chất	Cái	2
26	Turbo - Mixer	Cái	1

27	Máy lắc ngang	Máy	1
28	Kính hiển vi 3 mắt và Camera	Cái	1
29	Kính hiển vi 2 mắt thường	Cái	2
30	Kính lúp soi nổi (kính hiển vi soi nổi 3 thị kính)	Cái	1
31	Máy tạo khí ozone đa năng cao cấp	Máy	2
32	Bộ vi khẩu tôm post	Cái	1
33	Cân điện tử 4 số lẻ	Cái	1
34	Tủ sấy (Hot air oven)	Cái	1
35	Tủ nuôi cấy vi sinh	Cái	1
36	Lò hấp áp suất	Cái	1
37	Máy đóng bịt phôi	Máy	1
38	Tủ sấy	Cái	1
39	Xe nâng	Cái	1

Phụ lục II**MÁY MÓC, THIẾT BỊ CHUYÊN DỤNG LĨNH VỰC XÂY DỰNG**

(Ban hành kèm theo Quyết định số 16 /2018/QĐ-UBND ngày 28/ 9 /2018

của Ủy ban nhân dân tỉnh Hậu Giang)

STT	Chủng loại	ĐVT	Số lượng đơn vị
I	Trung tâm Kiểm định xây dựng		
1	Máy đo toàn đạc	Máy	1
2	Máy cắt sắt 3t5	Cái	1
3	Máy thủy Bình B20	Cái	1
4	Máy phát điện	Cái	1
5	Máy nén Bê tông	Cái	1
6	Sang độ mịn xi măng	Bộ	1
7	Tủ dưỡng mẫu xi măng	Bộ	1
8	Dụng cụ đo độ sụt bê tông	Bộ	1
9	Máy nén bê tông 200 tấn, hiển thị bằng Led	Bộ	1
10	Máy lắc sàng	Bộ	1
11	Máy nén Marshall	Bộ	1
12	Máy quay ly tâm nhựa	Bộ	1
13	Máy kéo nén uống vụn năng 100 tấn, hiển thị số	Bộ	1
14	Máy khoan lấy mẫu chạy điện	Bộ	1
15	Súng bắn Bê tông	Bộ	1
16	Cân điện tử 30kg/1g	Bộ	1
17	Tủ sấy 300 °C	Bộ	1
18	Bồn ỏ định	Bộ	1
II	Trung tâm Quy hoạch kiến trúc		1
1	Máy in A0	Máy	1
2	Máy đo toàn đạc	Máy	1

3	Máy thủy chuẩn	Cái	1
4	Máy đo GPS	Máy	1

Phụ lục III
MÁY MÓC, THIẾT BỊ CHUYÊN DỤNG LĨNH VỰC
TÀI NGUYÊN VÀ MÔI TRƯỜNG

*(Ban hành kèm theo Quyết định số 16/2018/QĐ-UBND ngày 28 tháng 9 năm 2018
của Ủy ban nhân dân tỉnh Hậu Giang)*

STT	Chủng loại	ĐVT	Số lượng tối đa
I	Trung tâm Quan trắc tài nguyên và môi trường		
1	Máy quang phổ UV-VIS	Bộ	1
2	Máy sắc ký GC	Bộ	1
3	Thiết bị lọc nước siêu sạch	Bộ	1
4	Thiết bị hấp tiệt trùng	Bộ	2
5	Tủ cấy Vi sinh	Cái	2
6	Cân phân tích 4 số lẻ	Cái	3
7	Máy lắc mẫu	Máy	2
8	Tủ âm vi sinh	Cái	2
9	Thiết bị lấy mẫu nước	Bộ	4
10	Máy cắt cô quay chân không	Bộ	2
11	Thiết bị đo ồn tích phân	Bộ	2
12	Thiết bị đo độ rung	Bộ	2
13	Thiết bị đo DO cầm tay	Bộ	3
14	Thiết bị đo pH cầm tay	Bộ	3
15	Thiết bị đo EC, độ mặn, TDS cầm tay	Bộ	3
16	Thiết bị thu mẫu khí lưu lượng thấp (0,5-2 lít/phút)	Bộ	5
17	Thiết bị lấy mẫu đất	Bộ	2
18	Thiết bị lấy mẫu bùn, trầm tích	Bộ	2
19	Máy định vị GPS	Cái	2
20	Thiết bị đo bụi lưu lượng lớn	Bộ	5

21	Bể siêu âm	Cái	1
22	Bể ổn định nhiệt 6 vị trí	Cái	2
23	Bộ Soxlet 06 vị trí	Bộ	1
24	Hệ thống ICP	Bộ	1
25	Cân kỹ thuật 2 số lẻ	Cái	2
26	Hệ thống nạp mẫu khí	Bộ	1
27	Máy khuấy từ	Chiếc	3
28	Tủ hút khí độc	Cái	3
29	Tủ ủ BOD5	Cái	3
30	Tủ sấy	Cái	3
31	Bộ phân tích thủy ngân và Asen	Bộ	1
32	Ấm kê	Bộ	1
33	Nhiệt ẩm kê Asman	Bộ	1
34	Áp kê	Bộ	1
35	Thiết bị đo chênh áp	Bộ	1
36	Thiết bị đo lưu lượng khí	Bộ	1
37	Thiết bị hiệu chuẩn lưu lượng	Bộ	1
38	Đầu đo nhiệt độ khí thải	Bộ	1
39	Máy đếm Coliforms	Cái	1
40	Thiết bị phá mẫu (KLN)	Bộ	1
41	Thiết bị phá mẫu	Bộ	3
42	Bộ lọc hút chân không	Bộ	2
43	Tủ bảo quản mẫu	Cái	5
44	Tủ lưu hóa chất	Cái	2
45	Máy quang phổ	Bộ	1
46	Thiết bị đo độ đục cầm tay	Bộ	2
47	Thiết bị đo lưu tốc dòng chảy (kênh hở)	Chiếc	2

48	Thiết bị lấy mẫu khí thải và mẫu bụi ống khói theo Isokinetic	Bộ	2
49	Thiết bị đo khí thải ống khói (Testo)	Bộ	2
50	Bộ chung cát đạm	Bộ	1
51	Máy cắt nước 02 lần	Bộ	1
52	Máy ly tâm	Bộ	2
53	Máy đo các chỉ tiêu vi khí hậu	Bộ	4
54	Lò phá mẫu vi sóng	Bộ	1
55	Máy nghiền mẫu	Bộ	1
56	Bơm chân không	Bộ	2
57	Máy đo DO để bàn	Bộ	2
58	Bộ Pipet đơn kênh 2-20ml	Bộ	4
59	Bếp cách thủy	Cái	2
60	Bộ Micropipet	Bộ	3
61	Bộ chiết pha rắn	Bộ	1
62	Lò nung nhiệt độ cao	Cái	1
II	Trung tâm Phát triển quỹ đất		
1	Máy toàn đạt điện tử	Máy	1
2	Máy scan A0	Máy	1
3	Máy scan A3	Máy	1
4	Máy in A3	Máy	1
5	Máy photocopy khổ A0	Máy	1
III	Văn phòng Đăng ký đất đai		
1	Máy toàn đạt điện tử	Máy	9
2	Máy scan A3	Máy	12
IV	Trung tâm Công nghệ thông tin tài nguyên và môi trường		
1	Máy in A0	Máy	1

2	Máy in A3	Máy	3
3	Máy Photocopy đa năng kỹ thuật số	Máy	1
4	Máy Scan A3	Máy	1

Phụ lục IV
MÁY MÓC, THIẾT BỊ CHUYÊN DỤNG
LĨNH VỰC VĂN HÓA, THỂ THAO VÀ DU LỊCH

*(Ban hành kèm theo Quyết định số 16/2018/QĐ-UBND ngày 28 tháng 9 năm 2018
của Ủy ban nhân dân tỉnh Hậu Giang)*

STT	Chủng loại	ĐVT	Số lượng tối đa
I	Sở Văn hóa, Thể thao và Du lịch		
1	Thiết bị đo cường độ âm thanh	Cái	1
2	Thiết bị đo chất lượng không khí	Cái	1
3	Máy quay phim	Cái	1
4	Máy ảnh	Cái	4
II	Bảo Tàng tỉnh		
1	Máy ảnh chuyên dùng	Cái	1
2	Máy quay phim chuyên dụng	Cái	1
III	Thư viện tỉnh		
1	Máy chủ: lưu trữ cơ sở dữ liệu sách báo và tài liệu số hoá	Cái	1
2	Thiết bị lưu trữ dự phòng (ổ cứng)	Cái	1
3	Hệ thống tường lửa Sophos SG 210 để ngăn chặn hạn chế virus tấn công máy chủ	Cái	1
4	Máy scan A3	Cái	1
5	Máy kiểm kho mã vạch	Cái	1
6	Cổng từ anh ninh dùng cho kho sách tự chọn	Cái	2
7	Máy in thẻ thư viện nhựa	Cái	1
8	Máy scan tự động số hoá tài liệu sách	Cái	1
9	Máy quét mã vạch	Cái	5
10	Âm thanh phục vụ lưu động (1 thùng loa, 2 micro, 1 Ampli, 1 đầu đĩa)	Bộ	1

11	Máy vi tính tra cứu dữ liệu về sách	Bộ	3
IV	Trung tâm Văn hóa tỉnh		
1	Sân khấu sắt lắp ráp di động	Bộ	1
2	Màn hình led 50 m ²	Bộ	1
3	Đàn ghi ta điện	Cây	2
4	Laptop xử lý âm thanh, ánh sáng	Bộ	2
5	Bộ đàn cổ nhạc	Bộ	1
6	Thùng loa di động cho hoạt động các câu lạc bộ	Cái	4
7	Đàn organ chuyên nghiệp	Cây	1
8	Mixer digital soundcraft im pact 32	Cái	1
9	Line array speaker	Cái	16
10	Subwoofer speaker	Cái	8
11	Loa center sân khấu	Cái	4
12	Monitor speaker - loa kiểm âm sân khấu	Cái	4
13	Amplifier stereo 2 channel dùng cho hi - driver line array	Cái	4
14	Amplifier stereo 2 Channel Dùng cho loa Monitor và loa Center	Cái	3
15	Amplifier stereo 2 Channel Dùng cho Loa SUB	Cái	4
16	Digital speaker processor 4 in 8 out	Cái	4
17	Dual effectt - bộ tạo hiệu ứng tiếng ca chuyên nghiệp	Cái	2
18	Micro không dây	Bộ	10
19	Micro cài đầu	Bộ	8
20	Bộ tạo effect phá tiếng cho guitar solo	Bộ	1
21	Moving head beam	Cái	24
22	Par led pha màu công suất 3W/bóng, loại 54 bóng sử dụng ngoài trời, công nghệ chống thấm nước	Cái	60

23	Bàn điều khiển kỹ thuật số	Cái	2
24	Đèn pha dạng projector	Cái	4
25	Đèn pha Follow	Cái	2
26	Đèn Par 64	Cái	24
27	Khung treo đèn 4D	Bộ	2
28	Bộ cagion	Cái	2
29	Bộ loa chuyên dùng cho xe phóng thanh	Bộ	1
30	Nhà bạt phục vụ các sự kiện chính trị	Mét	300
31	Máy Scan	Cái	1
32	Máy in màu	Cái	1
33	Máy vi tính sử dụng đồ họa	Bộ	1
V	Đoàn ca múa nhạc dân tộc		
1	Máy quay phim, chụp ảnh	Cái	1
2	Máy phát điện	Cái	1
3	Loa line array	Cái	16
4	Loa subwoofer	Cái	8
5	Loa center sân khấu	Cái	4
6	Loa monitor - loa kiểm âm sân khấu	Cái	4
7	Amplifier stereo 2 channel dùng cho hi - driver line array	Cái	4
8	Amplifier stereo 2 channel dùng cho loa monitor và loa center	Cái	3
9	Amplifier stereo 2 channel dùng cho loa sub	Cái	4
10	Mixer kỹ thuật số 48 kênh	Bộ	2
11	Digital speaker processor 4 in 8 out	Cái	4
12	Dual effectt - bộ tạo hiệu ứng tiếng ca chuyên nghiệp	Cái	2
13	Microphone đeo	Bộ	10

14	Micro cầm tay	Bộ	10
15	Bộ micro dành cho trống jazz	Bộ	2
16	Bộ tạo effect phá tiếng cho guitar solo	Bộ	2
17	Bộ tạo effect phá tiếng cho guitar Bass	Bộ	1
18	Đàn Organ chuyên nghiệp 71 phím	Cây	2
19	Đàn Organ chuyên nghiệp 61 phím	Cây	2
20	Đàn Piano	Cây	2
21	Tủ máy 16U - Tủ chứa thiết bị điều khiển	Cái	1
22	Cáp line 24 in / 4 out	Bộ	02
23	Tủ đựng loa Line Array	Cái	10
24	Tủ đựng loa Sub	Cái	10
25	Tủ đựng loa Monitor	Cái	1
26	Tủ đựng loa Center	Cái	1

Phụ lục V
MÁY MÓC, THIẾT BỊ CHUYÊN DỤNG LĨNH VỰC
KHOA HỌC VÀ CÔNG NGHỆ

(Ban hành kèm theo Quyết định số 16/2018/QĐ-UBND ngày 28 tháng 9 năm 2018
của Ủy ban nhân dân tỉnh Hậu Giang)

STT	Chủng loại	ĐVT	Số lượng tối đa
I	Sở Khoa học và Công nghệ		
1	Máy đo chỉ số Octane và Cetane trong xăng và dầu DO	Máy	1
2	Máy đo tia phóng xạ của các thiết bị X-quang y tế	Máy	1
II	Chi cục Tiêu chuẩn Đo lường Chất lượng		
1	Thiết bị kiểm Công tơ điện 1 pha	Bộ	3
2	Thiết bị kiểm tra điện 3 pha cầm tay	Bộ	1
3	Thiết bị kiểm định huyết áp kế	Bộ	1
4	Thiết bị kiểm định đồng hồ đo nước lạnh	Bộ	2
5	Thiết bị kiểm định Taximet	Bộ	1
6	Bình chuẩn hạng 2	Cái	14
7	Thiết bị kiểm định máy đo điện tim	Bộ	1
8	Máy đo điện trở cách điện	Máy	2
9	Máy đo điện trở tiếp địa	Máy	2
10	Thiết bị kiểm định áp kế	Máy	1
11	Cân phân tích hiện số	Cái	1
12	Cân kỹ thuật hiện số	Cái	4
13	Thiết bị lập bảng barem bồn bể	Bộ	1
14	Quả chuẩn F2	Bộ	1
15	Quả chuẩn F1	Bộ	6
16	Quả chuẩn M1	Quả	890

17	Thiết bị phân tích chỉ số Octane trong xăng	Bộ	1
III	Trung tâm Thông tin và Ứng dụng Khoa học và Công nghệ		
1	Máy đo đa năng	Hệ	1
2	Bộ dụng cụ kiểm tra chất lượng hình ảnh máy X-quang thường quy {Phantom kiểm tra độ chuẩn trực, trường sáng trường xạ (Pro-Digi) và Tấm lọc Nhôm (Pro- HVL)}	Bộ	1
3	Dụng cụ kiểm chất lượng hình ảnh máy X-quang tăng sáng truyền hình (Pro Fluo)	Cái	1
4	Phantom chuẩn kiểm tra chất lượng hình ảnh máy CT (Pro CT)	Cái	1
5	Thiết bị kiểm tra an toàn bức xạ phòng máy X-quang (AT1121)	Máy	1
6	Máy đo Tổng hàm lượng carbon hữu cơ (TOC)	Bộ	1
7	Hệ thống sắc ký khí khối phổ ba tứ cực(GC/MS/MS)	Bộ	1
8	Tủ cấy vi sinh	Bộ	1
9	Nồi hấp tiệt trùng	Bộ	1
10	Máy nghiền bột vi sinh	Bộ	1
11	Máy trộn bột vi sinh	Bộ	1
12	Sấy chân không	Bộ	1

Phụ lục VI
MÁY MÓC, THIẾT BỊ CHUYÊN DÙNG LĨNH VỰC
GIAO THÔNG VẬN TẢI

*(Ban hành kèm theo Quyết định số 16/2018/QĐ-UBND ngày 28 tháng 9 năm 2018
của Ủy ban nhân dân tỉnh Hậu Giang)*

STT	Chủng loại	ĐVT	Số lượng tối đa
I	Sở Giao thông vận tải		
1	Máy in chuyên dùng	Bộ	3
2	Máy chủ Server chuyên dùng	Cái	1
II	Thanh tra Giao thông vận tải		
1	Cân ô tô xách tay 10 tấn/bánh	Bộ	5
2	Cân ô tô xách tay 20 tấn/bánh	Bộ	5
3	Bộ cân xe lưu động	Bộ	1
4	Máy bộ đàm và thiết bị tiếp sóng	Bộ	25
III	Đoạn Quản lý Giao thông thủy bộ		
1	Máy lu	Cái	1
2	Máy đào bánh lốp	Cái	1
3	Ca nô	Chiếc	1
IV	Trung tâm Đăng kiểm phương tiện giao thông thủy bộ		
1	Hệ thống dây truyền kiểm định xe cơ giới	Hệ thống	2
2	Hệ thống camera quan sát	Hệ thống	4
3	Máy phát điện	Máy	1
4	Bơm thử thủy lực	Cái	1
5	Thiết bị kiểm tra chiều dày kim loại bằng phương pháp siêu âm	Cái	1

6	Thiết bị kiểm tra khuyết tật bằng phương pháp không phá hủy	Cái	1
7	Thiết bị kiểm tra khuyết tật bằng phương pháp nội soi	Cái	1
8	Thiết bị đo độ ồn	Cái	1
9	Thiết bị đo cường độ ánh sáng	Cái	1
10	Thiết bị kiểm tra phát hiện rò rỉ khí	Cái	1
11	Máy trắc địa (kinh vĩ và thủy bình)	Máy	1
12	Thiết bị đo khoảng cách	Cái	1
13	Thiết bị làm sạch bên trong chai	Cái	1
14	Thiết bị kiểm tra bên trong bằng phương pháp nội soi	Cái	1
15	Thiết bị thử giãn nở thể tích chai	Cái	1
16	Cân (điện tử) khối lượng	Cái	1
17	Máy vi tính chuyên dùng	Bộ	2
18	Thiết bị đo nhiệt độ từ xa	Cái	1
19	Thiết bị xách tay đo hàm lượng khí độc	Cái	1
20	Thiết bị định vị vệ tinh GPS, có tính năng đo tốc độ tàu	Cái	1
21	Thiết bị đo nồng độ ôxy	Cái	1
22	Đồng hồ đo vòng tua (từ xa, hiện số)	Cái	2
23	Đồng hồ đo độ co bóp trực cơ	Cái	2
24	Thiết bị đo chiều dày bằng siêu âm	Cái	1
25	Thiết bị đo khuyết tật bằng siêu âm	Cái	1

Phụ lục VII
MÁY MÓC, THIẾT BỊ CHUYÊN DỤNG LĨNH VỰC
ĐÀI PHÁT THANH VÀ TRUYỀN HÌNH

*(Ban hành kèm theo Quyết định số 16/2018/QĐ-UBND ngày 28 tháng 9 năm 2018
của Ủy ban nhân dân tỉnh Hậu Giang)*

STT	Chủng loại	ĐVT	Số lượng tối đa
A	Thiết bị phim trường		
1	Hệ thống Camera cho phim trường và các thiết bị kèm theo, gồm:	Hệ thống	16
1.1	Ống kính cho Camera	Cái	32
1.2	Micro cho camera	Cái	16
1.3	Bộ điều khiển ống kính	Cái	16
1.4	Thẻ nhớ	Cái	16
1.5	Đầu đọc thẻ nhớ	Cái	16
1.6	Pin cho camera	Cái	32
1.7	Bộ chân cho camera, dolly, tay pan	Cái	16
1.8	Vali mềm đựng camera	Cái	16
2	Phần Cam treo sân khấu	Bộ	4
3	Bộ không dây cho Camera, truyền Video & Audio	Bộ	4
4	Bộ đeo ổn định Camera	Bộ	4
5	Bộ Promter chạy chữ nhắc lời cho phát thanh viên	Bộ	12
6	Hệ thống bàn trộn hình video	Hệ thống	6
7	Bộ máy chạy chữ đồ họa	Bộ	20

8	Bộ máy lập list & phát file trực tiếp	Bộ	16
9	Bộ máy ghi chương trình, đa định dạng	Bộ	8
10	Hệ thống xử lý, phân chia tín hiệu Video/Audio, gồm:	Hệ thống	8
10.1	Module chia 3G/HD/SD Dual 1x4/Single 1x8	Cái	24
10.2	Module 3G/HD/SD Analog Audio Embedder or De-embedder (selectable)	Cái	16
10.3	Module 3G/HD/SD AES Embedder or De-embedder (selectable)	Cái	8
10.4	Module Dual 1x4 / Single 1x8 AES Distribution amplifier	Cái	8
10.5	Module Dual 1x4 / Single 1x8 Analog Audio Distribution amplifier	Cái	8
10.6	Module 3G/SD/HD Frame Sync, Embedded Audio Processing, HQ UP/CROSS/DOWN Conversion, Fiber I/O	Cái	8
10.7	Khung Frame gắn Module xử lý + card khiển + 2 nguồn	Cái	8
11	Hệ thống đồng bộ, kiểm tra tín hiệu chương trình, gồm:	Hệ thống	8
11.1	Box phát xung đồng bộ SD/HD	Cái	8
11.2	Box chia SDI 1x7	Cái	8
11.3	Box chuyển đổi tín hiệu SDI qua HDMI	Cái	16
11.4	Box Multiview 4 Input	Cái	16
11.5	Khung Frame gắn Box xử lý + 2 bộ nguồn	Cái	8
12	Bộ Multiview hiển thị 16 Input x 2 Output	Bộ	8
13	Bộ giao xử lý tín hiệu đa năng, hỗ trợ 2 kênh chuẩn 3G/HD/SD	Bộ	16
14	Bàn trộn âm thanh kỹ thuật số	Bộ	6

15	Loa kiểm tra âm thanh cho phòng máy	Cái	25
16	Hệ thống Intercom liên lạc	Hệ thống	16
17	Màn hình kiểm tra tín hiệu	Bộ	20
18	Màn hình kiểm tra sóng	Bộ	8
19	Hệ thống giao lưu trực tuyến mạng IP/Internet	Hệ thống	4
19.1	Bộ Transceiver, quản lý Skype call & SDI output	Bộ	4
19.2	Bộ Playout Server với SDI/HDMI output	Bộ	4
19.3	Bộ Talkback Server 12 channel	Bộ	4
19.4	Thiết bị phụ trợ cho hệ thống giao lưu trực tuyến (gồm: Balanced XLR 8 channel audio hardware via USB 3; Gói phần mềm; Ipad khiển từ xa; Gói 250GB - cloud media storage with uploader, unlimited sharing, transcode to BP format and show backup. 3 users; Wireless Gigabit Access Point)	Lô	6
20	Phim trường ảo	Hệ thống	2
21	Micro không dây cài áo	Cái	40
22	Micro để bàn (con cóc)	Cái	20
23	Vật tư thiết bị phụ trợ khác cho hệ thống âm thanh (chân mic, cáp tín hiệu, nguồn ...)	Lô	8
24	Đèn trường quay	Cái	500
25	Bộ chia DMX Splitter	Bộ	10
26	Bàn điều khiển đèn	Cái	8
27	Hệ thống khung giàn treo đèn & phụ kiện gá lắp	Hệ thống	8
28	Vật tư thiết bị phụ trợ khác cho hệ thống đèn (cáp, đầu nối, tủ điện,..)	Lô	8

29	Màn hình ghép	Bộ	16
30	Màn hình LCD 4K 86 inch hoặc lớn hơn	Cái	10
31	Bộ xử lý giao tiếp hiển thị cho bản ghép	Bộ	10
32	Máy phát file hiển thị cho màn hình ghép	Máy	10
33	Box chuyển đổi tín hiệu SDI qua HDMI	Bộ	16
34	Màn hình kiểm tra hình HD	Cái	30
35	Máy hút âm	Máy	30
B	Hệ thống thiết bị mạng và lưu trữ trung tâm		
1	Hệ thống mạng trực, gồm:	Hệ thống	
1.1	Hệ thống Switch 10/40G	Bộ	30
1.2	Bộ Ethernet Switch, hỗ trợ 24 port 10/100/1000 + 4 SFP Slot 1/10GbE, kèm theo + Module SPF 10G SFP+ LC SR Transceiver	Bộ	10
2	Hệ thống quản lý & lưu trữ trung tâm, gồm	Hệ thống	
2.1	Bộ lưu trữ trung tâm	Bộ	6
2.2	Bộ SAN Switch + Module quang kết Server & Storage	Bộ	6
2.3	Bộ Server quản lý hệ thống lưu trữ SAN	Bộ	4
3	Hệ thống lưu trữ LTO + 24 tape + 2 đầu đọc & Module phần mềm giao tiếp MAM, gồm:	Bộ	4
3.1	Đầu đọc LTO-8	Cái	8
3.2	Tape LTO-8 0TB RW Data Cartridge	Cái	96
3.3	Ultrium Universal Cleaning Cartridge	Cái	8
3.4	LTO-8 Ultrium RW Bar Code Label Pack	Cái	4
3.5	Module phần mềm giao tiếp MAM	Cái	4

4	Hệ thống quản lý & chia sẻ dữ liệu trung tâm	Hệ thống	1
4.1	Phần mềm quản lý & chia sẻ dữ liệu dựa Cloud-Base		
4.2	Máy Laptop Workstation quản lý dữ liệu Cloud-Base		
5	Vật tư và chi phí khác		
5.1	Rack gắn thiết bị 42U	Bộ	20
5.2	Vật tư và thi công mạng CAT.6 (cáp, đầu nối, ổ cắm, ...)	Lô	20
5.3	Vật tư và thi công mạng trục quang (cáp quang, cáp nhảy, ODF quang, ...)	Lô	20
5.4	Vật tư và thi công phần hệ thống điện cho phòng máy Server (tủ điện, cáp nguồn, CB, tiếp địa ..)	Lô	20
5.5	Sàn kỹ thuật và nhôm kính cho phòng Server	Hệ thống	6
C	Thiết bị sản xuất chương trình		
1	Camera cho phóng viên và các thiết bị đi kèm, gồm:	Bộ	30
1.1	Thẻ nhớ	Cái	60
1.2	Đầu đọc thẻ nhớ	Cái	15
1.3	Pin cho Camera	Cái	60
1.4	Vali mềm đựng Camera	Cái	30
1.5	Micro cho Camera	Cái	30
1.6	Micro cài áo không dây	Cái	30
1.7	Shoe Mount Adaptor cho kết nối micro	Cái	30
1.8	Bộ chân cho Camera	Bộ	30
2	Camera vác vai	Bộ	15

2.1	Thẻ nhớ	Cái	30
2.2	Đầu đọc thẻ nhớ	Cái	8
2.3	Pin cho Camera	Cái	30
2.4	Vali mềm đựng Camera	Cái	15
2.5	Micro cho Camera	Cái	15
2.6	Micro cài áo không dây	Cái	15
2.7	Shoe Mount Adaptor cho kết nối micro	Cái	15
2.8	Bộ chân cho Camera	Bộ	15
3	Thiết bị thu ghi, Streaming trực tiếp lưu động	Hệ thống	
3.1	Live streaming production, 4 Input	Bộ	4
3.2	Màn hình LCD	Bộ	8
3.3	Đầu thu ghi chương trình HD	Bộ	4
3.4	Rack/thùng lưu động cho hệ thống	Cái	4
3.5	Bàn trộn hình lưu động 4 HD/SD SDI/HDMI + 8 channels of clips & graphics + 2 Network Inputs with 8 channel audio mixer	Bộ	4
3.6	Đầu ghi thu chương trình, kèm theo 2 ổ cứng SSD	Bộ	4
3.7	Thiết bị xử lý phân chia tín hiệu & Streaming trực tiếp	Bộ	4
3.8	Bộ loa kiểm tra âm thanh dạng gắn Rack	Bộ	4
3.9	Màn hình hiển thị	Bộ	4
3.10	Hệ thống Intercom & Tally không dây	Bộ	4
3.11	Vật tư đấu nối tín hiệu Video/Audio cho hệ thống lưu động	Lô	4

3.12	Bộ lưu điện UPS	Bộ	4
3.13	Tủ Rack lưu động gắn thiết bị	Bộ	4
4	Thiết bị dựng chương trình	Hệ thống	
4.1	Phần cứng và phần mềm cho máy chạy chữ làm đồ họa (CG) chuẩn HD & phim trường ảo	Bộ	2
4.2	Bộ dựng hình phi tuyến, giao tiếp hệ thống MAM	Bộ	20
4.3	Bộ lưu điện UPS 2KVA On-Line	Bộ	20
4.4	Tai nghe headphone	Bộ	30
4.5	Bàn đặt bộ dựng và ghế ngồi	Bộ	30
5	Hệ thống quản lý và kiểm duyệt chương trình:	Hệ thống	
5.1	Hệ thống Server kiểm duyệt và quản lý nội dung chương trình truyền hình	Hệ thống	12
5.2	Máy biên tập nội dung chương trình truyền hình	Bộ	60
5.3	Máy kiểm duyệt nội dung chương trình truyền hình	Bộ	20
5.4	Đầu máy	Bộ	20
D	Thiết bị ghi hình xe màu		
1	Hệ thống camera	Hệ thống	15
2	Hệ thống video, monitor, A/D, D/A	Hệ thống	3
2.1	Bộ tạo chữ SD/HD	Bộ	3
2.2	Sync generator	Bộ	3
2.3	HD/SD Waveform and vectorscope monitor	Bộ	3
2.4	Downconverter with HD/SD-SDI Input, HD/SD-SDI Reclocking, SD-SDI and Analog Video/Audio Outputs	Bộ	3

2.5	HD/SD reclocking distribution amplifier	Bo	3
2.6	Analog Audio Distribution Amplifier, 1 X 8 Mono or 1 X 4 Stereo, with Summing Control	Bo	3
2.7	1 X 8 AES/EBU Reclocking Distribution Amplifier, 75 Ohm, Unbalanced, BNC I/O	Bo	3
2.8	20-slot openGear™ Frame - 2 Rack Units	Bộ	3
2.9	Additional power supply for 8321-C frame	Bộ	3
2.10	Bộ chuyển đổi & truyền dẫn quang	Bộ	8
2.11	HD/SD Multiformat video processor	Bộ	3
2.12	HD/SD SDI Video Router 16x16	Bộ	3
2.13	Control panel for router	Bộ	3
2.14	Bộ chuyển đổi tự động 2x1 HD/SD	Bộ	3
2.15	Dual HD/SD LCD Monitor.	Bộ	12
2.16	HD/SD LCD Monitor.	Bộ	6
2.17	Kiểm tra On-Air/Setupbox	Bộ	3
3	Hệ thống Audio	Hệ thống	3
3.1	Digital Audio Mixer 16 Inputs	Bộ	3
3.2	Bộ micro không dây gắn trên camera loại cài áo	Bộ	8
3.3	Microphone phỏng vấn cầm tay	Cái	8
3.4	Bộ kiểm tra Audio/Video Monitoring với HD-SDI, Composite, AES, Balanced Input và Built in Speaker & Level Meter	Bộ	3
3.5	Bi-amplified active studio reference monitor.	Bộ	3
3.6	Professional CD player, rackmountable	Bộ	3

3.7	Bộ tai nghe headphone stereo	Bộ	4
4	Intercom system	Hệ thống	3
5	Under Monitor Display system	Hệ thống	2
6	Hệ thống cầu	Hệ thống	2
7	Hệ thống Dolly	Hệ thống	2
8	Phụ kiện lắp đặt cho thiết bị xe màu	Hệ thống	2
9	Thùng xe màu và phụ kiện	Hệ thống	2
E	Hệ thống tổng khống chế và phát chương trình tự động		
1	Thiết bị khống chế phân đường tín hiệu, chuẩn HD	Hệ thống	4
1.1	Bo xử lý UP/CROSS/DOWN Converter với chức năng Frame Sync, hỗ trợ xử lý 2 kênh	Bo	4
1.2	Option cho kênh vào thứ 2 bo Up Converter	Code	4
1.3	Option xử lý HQ UP/CROSS/DOWN kênh 2 cho bo Up Converter	Code	4
1.4	Bo khuếch đại phân chia tín hiệu Video SD/HD-SDI loại Dual 1x4	Bo	4
1.5	Bo khuếch đại phân chia tín hiệu Video SD/HD-SDI loại Dual 1x4, hỗ trợ Fiber I/O	Bo	4
1.6	Option module thu quang (Rx), bước sóng 1260 - 1620nm	Bộ	8
1.7	Option module phát quang (Tx), hỗ trợ 10km, bước sóng 1310nm	Bộ	4
1.8	Bo xử lý Down converter với Analog & Digital Audio / Video Output	Bo	4
1.9	Khung Rack gắn các bo xử lý tín hiệu	Khung	4
1.10	Bộ nguồn dự phòng cho khung Rack	Bộ	4
1.11	Bo giao tiếp điều khiển qua mạng LAN & USB	Bo	4
1.12	Option Master Controller cho bo điều khiển	Cái	4

1.13	Kèm theo phần mềm giao tiếp cho các bo xử lý & thiết bị khiển từ xa, gồm:	Bộ	4
1.14	Module phần mềm cho phép thiết lập giao diện các chức năng điều khiển theo ý người dùng (Custom Control Editor for one Server).	Cái	4
1.15	Bản quyền module chức năng tự động bên trong (Internal Automation Function)	Bản quyền	4
1.16	Bản quyền module phần mềm chức năng User Access Control + Backup & Restore + Virtual Control Panel	Bản quyền	4
1.17	Thiết bị thao tác điều khiển từ xa	Bộ	4
1.18	Box chuyển đổi tín hiệu SDI qua HDMI, chuẩn HD	Bộ	4
1.19	Đầu thu vệ tinh chuyên dụng	Bộ	4
2	Thiết bị lập lịch & phát chương trình tự động chuẩn HD:		
2.1	Bộ máy phát chương trình tự động 2 kênh ngõ ra chuẩn SD/HD (gồm: Phần mềm phát tự động	Bộ	4
2.2	Bộ máy Insert Logo & đồ họa chuẩn SD/HD (gồm: Phần mềm Key Logo & CG; Phần cứng Video chuẩn SD/HD; Máy Workstation kèm theo)	Bộ	2
2.3	Bộ Multiview loại 16 Input, tự động nhận dạng tín hiệu HD/SD-SDI/PAL/NTSC Video Input (gồm: Màn hình 52inch, Full HD với HDMI Input)	Bộ	2
2.4	Tủ Rack 42U	Bộ	4
2.5	Bộ bàn đặt thiết bị điều khiển vận hành hệ thống phát chương trình	Bộ	4
2.6	Hệ thống giá lắp và treo hệ thống màn hình điều khiển thiết bị và theo dõi tín hiệu Video/Audio	Bộ	4
3	Thiết bị truyền dẫn chuẩn HD		
3.1	Bộ truyền dẫn tín hiệu qua IP chuẩn HD	Bộ	4
3.2	Hệ thống Streaming Video chuẩn HD	Bộ	2

4	Vật tư thiết bị phụ trợ		
4.1	Bộ lưu điện 2KVA, nguồn 22V, khung loại Rackmount	Bộ	3
4.2	Bộ bàn đặt thiết bị ngồi điều khiển, mặt khung chuẩn Rackmount	Bộ	2
4.3	Khung vách gắn hệ thống màn hình hiển thị Multiview	Bộ	2
4.4	Sàn nâng cho phòng máy đặt thiết bị và điều khiển phòng tổng không chế	Bộ	3
4.5	Tủ Rack 42 gắn thiết bị chuẩn 19inch kèm theo đầy đủ phụ kiện gá lắp thiết bị	Bộ	12
4.6	Vật tư đầu nối tín hiệu Video/Audio (cáp + đầu nối, ...)	Lô	1
4.7	Vật tư đầu nối thiết bị mạng Network (cáp + đầu nối, ...)	Lô	1
4.8	Vật tư thiết bị điện cho đầu nối (cáp điện, ổ điện, ...)	Lô	1
F	Thiết bị phát thanh		
1	Phần phòng thu: Micro chuyên dụng; Tai nghe headphone; Loa; Bộ chia tín hiệu âm thanh Headphone	Bộ	20
2	Phòng máy điều khiển thu & trực tiếp phát thanh		
1.1	Bàn trộn âm thanh dùng cho phòng thu & trực tiếp phát thanh	Bộ	3
1.2	Bộ chia tín hiệu âm thanh Stereo 1x6 có hỗ trợ chỉnh độ lợi từng ngõ ra	Bộ	3
1.3	Bộ giao tiếp âm thanh qua điện thoại, hỗ trợ âm thanh vào/ra AES/EBU & Analogue	Bộ	3
1.4	Bộ đèn báo hiệu tín hiệu thu (Record) cho phòng / thu trực tiếp	Bộ	3
1.5	Bộ đèn báo hiệu tín hiệu On-Air cho phòng / thu trực tiếp	Bộ	3
1.6	Loa kiểm tra âm thanh cho phòng máy kỹ thuật, tích hợp sẵn amplifier	Cái	6

1.7	Bộ tọa đàm, giao tiếp âm thanh giữa phòng thu trực tiếp với bên ngoài qua mạng IP, hỗ trợ 6 kết nối âm thanh Mono + 2 x Stereo + IFB.	Bộ	3
3	Thiết bị lưu động trực tiếp phát thanh từ hiện trường	Hệ thống	
1.1	Bộ giao tiếp âm thanh qua điện thoại di động (GSM), hỗ trợ âm thanh vào/ra AES/EBU &	Bộ	4
1.2	Bộ giao tiếp truyền dẫn âm thanh từ hiện trường về phòng phát thanh trực tiếp qua mạng 3G/Wi-Fi/IP với 3 đường vào Mic/Line, kèm theo Pin sạc bên trong	Bộ	4
1.3	Thiết bị phần cứng và phần mềm cho các máy thu ghi dựng và phát chương trình phát thanh	Gói	30
4	Thiết bị kết nối điện thoại	Bộ	10
5	Thiết bị phụ trợ & dịch vụ khác:	Bộ	10
5.1	Bàn đặt mixer âm thanh cho phòng thu và các thiết bị + ghế	Bộ	4
5.2	Bàn ngồi cho phát thanh viên + ghế	Bộ	4
5.3	Vật tư lắp đặt hoàn chỉnh hệ thống tín hiệu Audio (cáp, đầu nối các loại ...)	Lô	4
G	Hệ thống trường quay		
I	Thiết bị phòng điều khiển thu ghi & trực tiếp chương trình		
1	Bộ giao tiếp xử lý tín hiệu đa năng, hỗ trợ tracking Camera cho hệ thống phim trường ảo	Bộ	4
2	Hệ thống Intercom liên lạc (gồm: Main station 4 channel; Remote station 2 channel; 18" plug-in gooseneck microphone và 4-wire Interface 4 channel	Hệ thống	4
3	Màn hình Full HD/Ultra HD với HDMI Input	Bộ	8
4	Màn hình LCD, Full HD với HDMI/DVI Input	Bộ	8

5	Hệ thống bàn trộn hình video (gồm: Bàn khiển External Chroma Key; Card Video mix formats for up to 8 HD/ SD channel và Card Graphic chuyên dựng đồ họa và phim trường ảo	Bộ	4
6	Bộ máy làm chữ đồ họa (CG) với chức năng 3D phim trường ảo	Bộ	4
7	Bộ máy lập list & phát file trực tiếp chuẩn HD, tích hợp đồ họa 3D và phim trường ảo (gồm:	Bộ	4
8	Bộ máy chạy chữ đồ họa CG & 2D/3D graphics	Bộ	4
8.1	Phần mềm chạy chữ đồ họa	Bản quyền	4
8.2	Card video in/out với 3G/HD SDI	Cái	4
8.3	Máy workstation	Máy	4
9	Bộ máy phát file trực tiếp chuẩn HD (gồm: Phần mềm, phần cứng video, máy laptop workstation)	Bộ	4
10	Đầu ghi chương trình chuẩn HD	Bộ	2
11	Bộ router chuyển mạch 16x16 in/out + panel khiển + nguồn dự phòng	Bộ	4
II	Hệ thống âm thanh trường quay		
1	Loa treo sân khấu loại Two-way, Powered Line Array Loudspeaker	Bộ	24
2	Loa treo sân khấu loại Bass Powered Subwoofer	Bộ	8
3	Khung gắn treo loa - Array Frame	Bộ	8
4	Loa Monitor cho sân khấu loại Two-way powered loudspeaker	Bộ	12
5	Loa kiểm tra âm thanh cho phòng máy điều khiển	Cái	16
6	Mixer âm thanh kỹ thuật số loại 32 + 16 Digital	Bộ	6
7	Card giao tiếp 64 channel Dante	Cái	6

8	Bộ xử lý tín hiệu với BLU link	Bộ	6
9	Bộ chuyển đổi Dante - Blu link	Bộ	6
10	Bộ giao tiếp Stage box	Bộ	6
11	Micro không dây cầm tay	Bộ	32
12	Micro không dây cài áo	Bộ	32
13	Micro cầm tay có dây	Bộ	24
14	micro đeo tai không dây	Bộ	40
15	Bộ máy khiển, thu/phát âm thanh	Bộ	10
16	Loa monitor sân khấu cho ca sĩ nghe	Bộ	6
17	Vật tư thiết bị phụ trợ khác cho hệ thống âm thanh sân khấu (chân micro, cáp tín hiệu, tủ rack, nguồn ...)	Lô	6
III	Hệ thống đèn sân khấu trường quay		
1	Đèn Moving Head, 3 trong 1 (Beam, Spot, Wash), 350W	Bộ	300
2	Đèn LED Par, công suất 165W	Bộ	252
3	Đèn LED COB Par, 200W	Bộ	150
4	Đèn Follow Spot, 350W	Bộ	90
5	Máy phun bọt (Bubble Machine)	Bộ	15
6	Máy phun khói sương (Haze Machine)	Bộ	15
7	Bàn điều khiển ánh sáng đèn sân khấu	Bộ	6
8	Hệ thống dàn khung treo đèn & tay treo đèn	Hệ thống	6
9	Vật tư phụ trợ lắp đặt hệ thống đèn (chia DMX, cáp DMX, cáp nguồn, tủ điện, đầu nối các loại , ..)	Bộ	6

10	Đèn LED Fresnel, nhiệt độ màu, khiển DMX	Bộ	50
11	Đèn Fluorescent, nhiệt độ màu	Bộ	50
12	Bộ chia DMX Spiltter	Bộ	8
13	Bàn điều khiển đèn	Bộ	4
14	Hệ thống khung giàn treo đèn & phụ kiện gá lắp	Hệ thống	4
15	Vật tư thiết bị phụ trợ khác cho hệ thống đèn (gồm: Cáp tín hiệu DMX; Đầu nối DMX; Cáp nguồn AC + đầu nối công nghiệp và CB, tủ điện cho hệ thống đèn	Hệ thống	4
IV	Thiết bị thể hiện cho sân khấu trường quay		
1	Màn hình LED đặt giữa sân khấu	Hệ thống	3
2	Màn hình LED đặt hai bên cánh sân khấu	Hệ thống	12
3	Máy phát file hiển thị cho màn hình LED	Bộ	12
4	Thiết kế deco sân khấu và thi công sân khấu trường quay 250 chỗ	Bộ	3
5	Vật tư thiết bị phụ trợ cho hệ thống màn hình hiển thị	Bộ	3
6	Hệ thống điều khiển và phân chia tín hiệu vào/ra video cho các màn hình hiển thị, với các module kèm theo: HDMI Input module; HDMI out module và Hot swap PSU	Hệ thống	4
7	Màn hình ghép không viền	Cái	10
8	Màn hình LCD 4K 86inch (hoặc lớn hơn), loại cảm ứng	Cái	8
9	Màn hình LCD 4K 86inch (hoặc lớn hơn)	Cái	8
10	Bộ xử lý giao tiếp hiển thị cho bản LED	Hệ thống	4
10.1	HDMI Input Module	Cái	12
10.2	HDMI Output Module	Cái	12

11	Máy phát file hiển thị cho màn hình LED, gồm: Phần mềm phát file Background; Card xuất Video và Máy Laptop Workstation xử lý kèm theo	Bộ	12
12	Box chuyển đổi tín hiệu SDI qua HDMI	Bộ	12
13	Màn hình LCD 40inch, Full HD/Ultra HD với HDMI Input	Bộ	12
14	Vật tư thiết bị phụ trợ khác cho hệ thống màn hình hiển thị	Bộ	4
V	Vật tư và chi phí khác		
1	Rack gắn thiết bị 42U & phụ kiện giá lắp	Bộ	12
2	Bàn đặt thiết bị cho phòng máy điều khiển	Bộ	6
3	Vật tư lắp đặt hệ thống	Lô	6
4	Máy đo sáng cầm tay	Cái	4
5	Bộ UPS online 10KVA	Bộ	4
6	Màn hình kiểm tra tín hiệu chuẩn HD với ngõ vào SDI-HD & HDMI	Cái	20
7	Máy hút ẩm, cho phòng máy thiết bị	Cái	10
VI	Hệ thống ghế sếp lưu động cho trường quay	Hệ thống	2
H	Hệ thống máy phát sóng phát thanh	Hệ thống	2
I	Cột Anten		
1	Cột Anten dây neo	Cột	1
2	Cột Anten tự đứng	Cột	1
K	Trạm biến áp		
1	Trạm biến áp 250KVA	Trạm	1

2	Trạm biến áp 1000KVA	Trạm	2
L	Hệ thống chống sét lan truyền trên đường nguồn, đường tín hiệu, thiết bị	Hệ thống	15
M	Bộ thiết bị chống nhiễu	Bộ	6
N	Máy móc, thiết bị chuyên dùng khác		
1	Máy phát điện		
1.1	Máy phát điện 750KVA	Máy	1
1.2	Máy phát điện 200KVA	Máy	2
1.3	Máy phát điện 10KVA	Máy	1
1.4	Máy phát điện 5KVA	Máy	1
2	Máy lạnh trung tâm kỹ thuật phát thanh truyền hình Hậu Giang	Hệ thống	1
3	Khác		
3.1	Bàn phát thanh viên	Cái	10
3.2	Ghế phát thanh viên	Cái	20
3.3	Ghế ngồi trường quay	Bộ	500
3.4	Tivi	Cái	40
3.5	Flycam	Cái	2
3.6	Camera quan sát	Cái	40
3.7	Ổ cứng	Cái	150
3.8	UPS True Online	Cái	15
3.9	Máy ảnh	Cái	10
3.10	Máy chiếu	Cái	10

3.11	Máy bắn kim tuyến	Bộ	10
3.12	Bộ 3G/4G truyền hình trực tiếp	Bộ	5

Phụ lục VIII

MÁY MÓC, THIẾT BỊ CHUYÊN DỤNG LĨNH VỰC KHÁC

(Ban hành kèm theo Quyết định số 16 /2018/QĐ-UBND ngày 28 tháng 9 năm 2018
của Ủy ban nhân dân tỉnh Hậu Giang)

STT	Chủng loại	ĐVT	Số lượng tối đa
I	Sở Thông tin và Truyền thông		
1	Máy ghi âm siêu nhỏ	Cái	1
2	Máy đo khoảng cách laser	Cái	2
3	Thuốc lăn đường	Cái	1
4	Máy chụp ảnh	Cái	2
5	Bộ máy thu Icom IC - R20	Cái	2
6	Máy đo tín hiệu đường truyền Internet	Máy	1
7	Máy quay chuyên dụng	Máy	1
8	Máy đo phơi nhiễm điện từ trường	Máy	1
9	Máy tính xách tay chuyên dùng	Bộ	4
10	Thiết bị phòng chống và phát hiện xâm nhập (IPS)	Bộ	2
11	Thiết bị điều khiển lưu trữ (Controller)	Bộ	2
12	Thiết bị lưu trữ ngoài (Tape 2 Driver FC)	Bộ	2
13	Thiết bị cắt lọc sét 3 pha 630A	Bộ	1
14	Thiết bị tiếp đất < 1 (ôm)	Bộ	1
15	Máy kiểm soát cửa ra vào	Bộ	1
16	Máy phát hiện khói sớm siêu nhạy	Bộ	1
17	Site scan: Giám sát môi trường, thiết bị hạ tầng của Emerson	Bộ	1
18	Máy đo kiểm tín hiệu mạng	Bộ	2
19	Internal Firewall Primary	Bộ	2

20	External Firewall Primary	Bộ	2
21	Thiết bị bảo mật hợp nhất cho hệ thống	Bộ	3
22	Thiết bị chuyển mạch trung tâm	Bộ	2
23	Thiết bị chuyển mạch quản trị	Bộ	2
24	Thiết bị cân bằng tải đường truyền	Bộ	3
25	Hệ thống máy lạnh chuyên dùng phòng máy chủ	Bộ	2
26	Hệ thống tủ thiết bị	Bộ	2
27	Thiết bị lưu trữ mạng (SAN)	Bộ	2
28	Thiết bị kết nối SAN chuẩn FC	Bộ	2
29	Máy chủ	Bộ	8
30	Switch server	Bộ	2
II	Trung tâm Dịch vụ Công nghệ thông tin và truyền thông		
1	Hệ thống máy chủ	Hệ thống	1
III	Khu Bảo tồn thiên nhiên Lung Ngọc Hoàng		
1	Camera ghi hình động thực vật rừng	Cái	2
2	Máy ảnh chuyên dùng	Cái	2
3	Máy chữa cháy chuyên dùng	Cái	8
4	Máy định vị GPS	Cái	10
5	Cửa máy cầm tay	Cái	2
6	Ống nhòm hồng ngoại	Cái	2
7	Máy phát điện	Cái	1
8	Máy đo chất lượng nước	Cái	1
9	Kính hiển vi	Cái	2
10	Máy đo độ ẩm vật liệu	Cái	4
11	Máy đo pH đất, nước	Cái	4

12	Camera kiểm soát cháy rừng	Cái	3
IV	Trung tâm Dịch vụ việc làm		
1	Camera	Bộ	3
V	Trung tâm Công tác xã hội tỉnh Hậu Giang		
1	Máy bơm honda 5,5HP	Cái	1
3	Tivi 51 inch	Cái	1
4	Tủ cơm (100kg/ lần)	Tủ	1
VI	Sở Nội vụ		
1	Máy in thẻ nhựa	Cái	1
2	Máy chụp hình chuyên dụng	Cái	1
VII	Ban Thi đua khen thưởng		
1	Máy in A3	Cái	1
VIII	Sở Công Thương		
1	Máy định vị	Cái	1
2	Máy đo khoảng cách	Cái	1

Phụ lục IX
MÁY MÓC, THIẾT BỊ CHUYÊN DỤNG
TẠI CÁC HUYỆN, THỊ XÃ, THÀNH PHỐ

*(Ban hành kèm theo Quyết định số 16 /2018/QĐ-UBND ngày 28 tháng 9 năm 2018
của Ủy ban nhân dân tỉnh Hậu Giang)*

STT	Chủng loại	ĐVT	Số lượng tối đa
I	Phòng Tài nguyên và Môi trường		
1	Máy đo độ ồn	Máy	1
2	Máy định vị GPS map	Máy	1
3	Máy toàn đạc điện tử	Máy	1
4	Máy đo độ pH	Máy	1
5	Máy đo độ DO	Máy	1
6	Máy đo khí độc	Máy	1
II	Phòng Kinh tế và Hạ tầng		
1	Thiết bị đo lường cân đối chứng	Cái	7
2	Máy thủy bình	Máy	1
3	Máy đo khoảng cách	Máy	1
4	Thước kẹp điện tử	Cái	1
5	Máy kiểm tra cường độ bê tông	Máy	1
6	Thước dây	Cái	1
7	Súng bắn bê tông (Búa bột nảy)	Cây	1
8	Máy khoan bê tông	Máy	1
9	Máy đo mặt phẳng sàn	Máy	1
10	Máy định vị cầm tay	Máy	1
11	Máy quét tia laser	Máy	1
12	Máy in chuyên dùng khổ giấy A3	Cái	1

III	Phòng Kinh tế		
1	Thiết bị đo lường cân đối chứng	Bộ	1
2	Máy đo độ pH	Máy	1
3	Máy đo độ mặn	Máy	1
5	Máy thủy bình	Máy	1
6	Máy đo độ ẩm	Máy	1
7	Máy đo độ mặn	Máy	1
8	Máy đo độ sâu	Máy	1
IV	Phòng Nông nghiệp và Phát triển nông thôn		
1	Máy thủy bình	Máy	1
2	Máy đo độ sâu	Máy	1
3	Thước đo độ sâu điện tử chống nước	Cái	1
4	Máy đo nồng độ pH	Máy	1
5	Máy đo độ ẩm	Máy	1
6	Máy đo độ mặn	Máy	1
7	Bình chứa ni tơ	Cái	1
V	Phòng Văn hóa và Thông tin		
1	Máy đo ánh sáng	Máy	1
2	Máy đo độ ồn	Máy	1
3	Máy ảnh chuyên dùng	Máy	1
VI	Phòng Quản lý đô thị		
1	Máy ảnh chuyên dụng	Máy	1
2	Máy thủy bình (điện tử)	Máy	1
VII	Đài Truyền thanh		
1	Đầu đọc Mi DVCamJVC	Cái	1
2	Camera chuyên dùng + Chân máy	Bộ	2

3	Máy phát hình	Bộ	1
4	Máy phát thanh FM 500W	Bộ	1
5	Máy vi tính dựng chương trình phát thanh	Bộ	1
6	Bàn Swich video	Cái	1
7	Máy chạy Logo truyền hình	Máy	1
8	Mixer hình	Cái	1
9	Máy tăng âm	Máy	1
10	Đầu thu phát 2 hộc	Cái	1
11	Thiết bị capture chỉnh sửa máy video	Cái	1
12	Bộ tạo hiệu ứng âm thanh chuyên nghiệp	Bộ	1
13	Bộ lọc âm thanh chuyên nghiệp	Bộ	1
VIII	Trung tâm Văn hóa		
1	Camera chuyên dùng	Cái	1
2	Bộ Amply + Loa	Bộ	1
3	Bộ điều khiển âm thanh	Bộ	1
4	Loa Surround	Cái	2
5	Hệ thống âm thanh sân khấu	HT	1
6	Đàn Organ	Cái	1
7	Loa trung tâm, loa trái, Loa phải	Bộ	1
8	Micro chuyên dùng có dây	Cái	1
9	Micro không dây	Cái	4
10	Miser 12 ngõ	Cái	2
11	Đầu ghi băng đĩa	Cái	1
12	Ampli chuyên dùng	Cái	2
13	Công suất (âm thanh)	Cái	1
14	Đàn Guita bass	Cây	1

15	Đàn kìm	Cây	1
16	Bộ trống điện tử SPD	Bộ	1
17	Echo Midiverb4	Bộ	1
18	Mixer LX7/32, 32 đường	Cái	1
19	Đèn chớp lay	Bộ	1
20	Đèn ký sảo	Bộ	1
21	Đèn pha	Bộ	1
22	Đèn phong	Bộ	1
23	Đèn Polo	Bộ	1
24	Đèn quay	Bộ	1
IX	Ủy ban nhân dân các xã, phường, thị trấn		
1	Hệ thống thu, phát truyền thanh, bao gồm: Bộ thu truyền thanh không dây kỹ thuật số; Máy phát thanh; Máy tăng âm; Tủng loa Bluetooth + Micro; Mixer...	Hệ thống	1